

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Núi

2. Ngày tháng năm sinh: 10/10/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Lai Cách, Cẩm Giàng, Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): xóm Sơn Tiến, xã Quyết Thắng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): xóm Sơn Tiến, xã Quyết Thắng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0964719929;

E-mail: nvnuoi@ictu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2003 đến 12/2007: Giảng viên tại Khoa CNTT thuộc Đại học Thái Nguyên (nay là Trường Đại học CNTT&TT – ĐHTN)

Từ 12/2007 đến 09/2011: Chuyên viên (kiêm nhiệm Giảng viên) tại Ban Tổ chức cán bộ - Đại học Thái Nguyên

Từ 09/2011 đến 07/2015: Nghiên cứu sinh tại Yuan Ze University, Taiwan

Từ 07/2015 đến 11/2015: Chuyên viên (kiêm nhiệm Giảng viên) tại Ban Tổ chức cán bộ - Đại học Thái Nguyên

Từ 11/2015 đến 05/2017: Giảng viên tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) - ĐHTN.

Từ 05/2017 đến 06/2019: Trưởng Bộ môn CNPM tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) - ĐHTN.

Từ 06/2019 đến 02/2021: Phó trưởng khoa Khoa CNTT tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) - ĐHTN.

Từ 02/2021 đến 12/2024: Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) - ĐHTN

Từ 12/2024 đến 06/2025: Trưởng phòng KH-CN&HTQT tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) - ĐHTN.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng KH-CN&HTQT; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) - ĐHTN.

Địa chỉ cơ quan: Đường Z115, Quyết Thắng, Thành Phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 0208.3846254

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2003, số văn bằng: QC 015295, ngành: Toán- Tin ứng dụng, chuyên ngành: Không có chuyên ngành

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học KHTN – Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 21 tháng 03 năm 2007, số văn bằng: 1246, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Không có chuyên ngành

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên

- Được cấp bằng TS [5] ngày 30 tháng 6 năm 2015, số văn bằng: 1009118, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Nguyên Trí, Đài Loan (Yuan Ze University, Taiwan)

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Học máy và ứng dụng (Machine learning and application)

- Tin sinh học (Bioinformatics): Các mô hình tính toán hiệu năng cao nhằm phân tích, dự đoán chức năng protein và vị trí protein sửa đổi sau dịch mã của protein (*làm tiền đề cho việc nghiên cứu phát triển thuốc, phát triển các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh được hiệu quả hơn*)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 39 bài báo khoa học, trong đó 13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 4, trong đó 4 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2010-2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
2	Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
3	Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021
4	Cá nhân điển hình tiên tiến giai đoạn năm 2020-2025 Trường Đại học CNTT&TT	Trường Đại học CNTT&TT - Đại học Thái Nguyên	2025

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- **Về phẩm chất, đạo đức và thái độ công tác:** Có phẩm phát đạo đức tốt, luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức của người thầy giáo trong Nhà trường và ngoài cuộc sống; Luôn trung thực trong giáo dục và khoa học, tích cực hỗ trợ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Nhà trường.

- **Về học tập và nâng cao trình độ:** Bản thân tôi luôn không ngừng học tập và nâng cao trình độ về chuyên môn và ngoại ngữ:
 - Đại học (1999-2003): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG HN.
 - Cao học (2004-2006) tại Khoa CNTT, Đại học Thái Nguyên.
 - Nghiên cứu sinh (2011-2015) tại Đại học Nguyên Trí, Đài Loan.
- **Về giảng dạy:**
 - Tôi đã và đang tham gia giảng dạy một số môn học/học phần trong chương trình đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính chương trình liên kết đào tạo quốc tế với Đại học Quốc gia Kuyungpook Hàn Quốc thuộc Trường Đại học CNTT&TT - Đại học Thái Nguyên từ năm 2003.
 - Tham gia giảng dạy và hướng dẫn học viên cao học từ năm 2016.
 - Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh từ năm 2021.
- **Về nghiên cứu khoa học:**
 - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở, đã nghiệm thu thành công.
 - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Đại học Thái Nguyên, đã nghiệm thu thành công.
 - Thành viên 04 đề tài cấp Bộ/Tỉnh; 01 đề tài cấp nhà nước.
 - Chủ nhiệm 01 đề tài Nafosted/cấp NN (102.05-2023-09), đang thực hiện (8/2024 - 8/2026).
 - Là chủ biên 01 giáo trình; đồng chủ biên 01 giáo trình; đồng tác giả 02 giáo trình đang được sử dụng.
 - Đã công bố (số lượng) 39 bài báo khoa học; trong đó có 13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (*9 bài là tác giả chính*), 9 bài báo đăng trên Tạp chí trong nước khác (*01 bài báo trên tạp chí ACI – Tạp chí tin học điều khiển*), 17 bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo Quốc tế/quốc gia (*05 bài thuộc danh mục Scopus Q3/Q4*).
- **Về các hoạt động chuyên môn khác:** Bản thân tôi luôn tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn và cộng đồng:
 - Thành viên Ban tổ chức hội thảo quốc tế/quốc gia: ICTA - International Conference on Advances in Information and Communication Technology (ICTA 2016; ICTA 2023, ICTA 2024, ICTA 2025); The 24th National Symposium of Selected ICT problems (Hội thảo @ năm 2021); Tham gia program/session Chair nhiều hội thảo: Hội thảo @; Hội thảo CITA - Conference on Information Technology and its Applications (CITA 2023, CITA 2024) ...
 - Tham gia bình duyệt trên các tạp chí chuyên ngành uy tín: BMC Bioinformatics; BMC Genomics; Computers in Biology and Medicine; Recent Advances In Computer Science And Communications; Journal of Computer Science and Cybernetics...

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			2	6	162	232.6	394.6/582.08/202.5
2	2020-2021			2	9	194.6	51.2	245.8/382.7/135
3	2021-2022			1	4	213.8	107.8	321.64/493.3/53.6
03 năm học cuối								
4	2022-2023		1	2	7	45	126.4	171.4/186.8/48.8
5	2023-2024		1	1	7	265.8	77.7	343.5/424.59/70
6	2024-2025		1	1	7	195		195/220.5/70

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Đài Loan năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Kim Tuyền		X	X		07/2017 đến 05/2018	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	26/07/2018
2	Nguyễn Minh Tâm		X	X		07/2017 đến 05/2019	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	15/08/2019
3	Sophabmixay Vilaisak		X	X		08/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	15/08/2019

4	Souksakhone Inthavong		X	X		08/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	01/12/2020
5	Sengthong Xayavong		X	X		08/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	01/12/2020
6	Noysinakhone Douangboudy		X	X		01/2021 đến 11/2021	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	12/01/2022
7	Phạm Thị Quang		X	X		10/2021 đến 06/2022	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	24/10/2022
8	Nguyễn Thị Hằng		X	X		11/2021 đến 06/2022	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2	23/12/2022

9	Trần Thị Thu Hường		X	X		11/2022 đến 06/2023	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	02/10/2023
10	Cù Thị Mai Hiền		X	X		05/2024 đến 11/2024	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	20/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Công nghệ và thiết bị mạng	GT	NXB Giao thông vận tải, năm 2018	7	VC	(44-77)	488/XN-ĐHCNTT&TT
2	Toán rời rạc	GT	NXB Đại học Thái Nguyên, năm 2022	5	VC	(69-106)	633/XN-ĐHCNTT&TT
3	Tin học đại cương	GT	NXB Đại học Thái	5	CB	(Đồng CB; 66-82;	236/XN-ĐHCNTT&TT

1	Chứng minh độ khó NP-hard của một số bài toán Lưới	3	Không	Journal on Information Technologies & Communications (Research and Development on Information & Communication Technology); ISSN 0866-7039 1859-3534		1	No. 19(2) 2008 51-59	02/2008
2	Về một cách tiếp cận mới giải bài toán Quy hoạch tuyến tính nguyên	4	Không	Thai Nguyen Journal of Science and Technology; ISSN 1859-2171, e-ISSN 2615-9562			56, 8, 51-59	08/2009
3	Characterization and Identification of Ubiquitin Conjugation Sites with E3 Ligase Recognition Specificities	8	Có	BMC Bioinformatics. ISSN:1471-2105. (Tập chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1 - SCIE IF: 2.9, Q1	29	6 (Suppl 1):S1	01/2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
4	UbiNet: an online resource for exploring functional associations and regulatory networks of protein ubiquitylation	5	Có	DATABASE: The Journal of Biological Databases and Curation. ISSN: 1758-0463. (Tập chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1 - SCIE IF: 3.4, Q1	39	Vol. 2016, 1-14	04/2016

5	A new schema to identify S-farnesyl cysteine prenylation sites with substrate motifs	5	Có	Lecture Notes in Networks and Systems book series (ICTA 2016)		8	vol 538, 73-83	01/2017
6	The prediction of Succinylation site in protein by analyzing amino acid composition	2	Không	Lecture Notes in Networks and Systems book series (ICTA 2016)	<i>IF: 10</i>		vol 538, 633-642	01/2017
7	A new scheme to characterize and identify protein ubiquitination sites	5	Có	IEEE/ACM Transactions on Computational Biology and Bioinformatics. ISSN: 1545-5963. (Tạp chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q2 - SCIE <i>IF: 3.6, Q2</i>	36	Vol. 14, No. 2, 393-	04/2017
8	An approach by exploiting support vector machine to characterize and identify protein SUMOylation sites	3	Có	The 20th National Symposium of Selected ICT problems, 23-24, November, 2017, Quy Nhon, Viet Nam		6	Pages: 6	11/2017
9	Flexible Render Medical Data in a CDA Document on Mobile Browsers	3	Không	Fair 10, 17-18, August, 2017, Da Nang, Viet Nam		6	Pages: 5	08/2017

10	Exploiting two-layer support vector machine to predict protein SUMOylation sites	6	Có	ICERA 2018 International Conference on Engineering Research and Applications, 1-2 December 2018, Thai Nguyen, Viet Nam. Springer Indexed		7	LLNS 63, pp 324	12/2018
11	Towards more accurate prediction of protein SUMOylation sites by exploiting the maximal dependence decomposition method	3	Có	The 21th National Symposium of Selected ICT problems, 27-28, July, 2018, Thanh Hoa, Viet Nam.			Pages: 6	07/2018
12	Phân lớp vị trí protein Farnesylation với máy vector hỗ trợ (SVM) và cây quyết định	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, e-ISSN 2615-9562.			204(11): 149 - 154	08/2019
13	SNARE-CNN: a 2D convolutional neural network architecture to identify SNARE proteins from	2	Không	PeerJ Computer Science. ISSN: 2376-5992. (Tạp chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1 - SCIE IF: 3.8, Q1	60	1-17	02/2019

	high-throughput sequencing data							
14	SuccSite: Incorporating Amino Acid Composition and Informative k-spaced Amino Acid Pairs to Identify Protein Succinylation Sites	5	Không	Genomics, Proteomics & Bioinformatics. ISSN: 1672-0229. (Tập chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1 - SCIE IF: 11.5, Q1	36	18 (2020) 208–219	04/2020
15	Probable characteristics of multi-channel queuing system with "impatient" claims"	4	Không	The 23th National Symposium of Selected ICT problems, 05-06, November, 2020, Quang Ninh, Viet Nam.			Pages: 7	11/2020
16	Khai phá luật kết hợp sử dụng thuật toán Apriori, hỗ trợ cho hoạt động bán hàng tại siêu thị"	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, e-ISSN 2615-9562.			226(16), 212-217	11/202
17	Phân lớp khách hàng dựa trên hành vi, sử dụng kỹ thuật khai phá dữ liệu	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, e-ISSN 2615-9562.			226(16), 134-141	11/2021
18	Phân lớp dữ liệu hoa IRIS sử dụng các thuật toán Naive	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, e-ISSN 2615-9562.			226(16), 79-84.	07/2021

	Bayes, Random Forest và KNN							
19	Sequence-based machine learning model for phage virion proteins: a wrapper subset evaluation approach	4	Không	The 24th National Symposium of Selected ICT problems, 13-14, December, 2021, Thai Nguyen, Viet Nam			Pages: 6	12/2021
20	Ứng dụng mô hình toán học SIR và ngôn ngữ R trong phân tích dịch tễ	4	Không	The 24th National Symposium of Selected ICT problems, 13-14, December, 2021, Thai Nguyen, Viet Nam, 591-597			Pages: 7	12/2021
21	Predict human phosphorylation sites using XGBoost and protein sequence-based characterization	3	Có	TNU Journal of Science and Technology, ISSN 1859-2171, e-ISSN 2615-9562.			227(18), 66 - 73	12/2022
22	Phương pháp quy hoạch động sử dụng kỹ thuật lập hệ thức giải một số bài toán tiêu biểu trong lý thuyết đồ thị	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, e-ISSN 2615-9562.			227(18), 66 - 73	12/2022
23	An interpretable deep learning model for classifying	5	Không	Methods. ISSN: 1046-2023 (Tạp chí ISI uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1 - SCIE IF: 4.2, Q1	48	207 (2022) 90–96	09/2022

	adaptor protein complexes from sequence information							
24	BERT-Promoter: an improved sequence-based predictor of DNA promoter using BERT pre-trained model and SHAP feature selection	4	Không	Computational Biology and Chemistry. ISSN: 1476-9271. (Tạp chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q2 - SCIE IF: 2.6, Q2	92	99 (2022) 107732	07/2022
25	Enhanced prediction of mRNA subcellular localization using a novel ensemble learning and hybrid approach	4	Không	Lecture Notes in Networks and Systems book series (ICTA 2023). LNNS, volume 847.	- Scopus IF: Scopus Q4	1	LNNS 847, pp. 60–68	12/2023
26	Incorporating Natural Language-Based and Sequence-Based Features to Predict Protein SUMOylation Sites	3	Có	Lecture Notes in Networks and Systems book series (LNNS, volume 734), pp 74-88. (CITA 2023)	- Scopus IF: Scopus Q4	5	LNNS 847, pp. , 74-8	07/2023
27	Enhancing Arabidopsis	4	Có	Methods. ISSN: 1046-2023 (Tạp chí	ISI - SCIE, Q1, IF 2024:	2	232 (2024) 65–71	10/2024

	thaliana ubiquitination site prediction through knowledge distillation and natural language processing			ISI uy tín của Nafosted)	4.2 - SCIE <i>IF: 4.2, Q1</i>			
28	CLW_SUMO: A hybrid Deep Learning model for predicting protein SUMOylation sites	4	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics ISSN: 1813-9663; NXB: Vietnam Academy of Science and Technology	- ACI		V.40, N.4 (2024), 31	09/2024
29	Deep Learning-Based Identification of Rab Proteins: A Convolutional Neural Network Approach with Evolutionary Information Integration	6	Không	The Third International Conference on Intelligence of Things (ICIT2024), September 12-14, 2024, Da Nang, Vietnam. Springer Nature	- Scopus <i>IF: Scopus Q3</i>		LNDECT 230, pp. 177–	09/2024
30	Enhancing Protein Sequence Classification with a Fuzzy Neural Network: A Study in Anticancer	6	Không	2024 International Conference on Fuzzy Theory and Its Applications (iFUZZY), August 10-13, 2024, Kagawa, Japan. IEEE indexed. ISSN: 2377-5831;			iFuzzy 2024, 1-6	10/2024

	Peptide Identification			ISBN: 979-8-3503-5278-8				
31	Using a hybrid neural network architecture for DNA sequence representation: A study on N4-methylcytosine sites	4	Có	Computers in Biology and Medicine. ISSN: 0010-4825. (Tập chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1, IF 2024: 7.0 - SCIE IF: 7.0, Q1	7	178 (2024) 108664	05/2024
32	Recent progress in machine learning approaches for predicting carcinogenicity in drug development	5	Có	Expert Opinion on Drug Metabolism & Toxicology. ISSN: 1742-5255. (Tập chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1, IF 2023: 3.9 - SCIE IF: 3.9, Q1	7	20(7):621-628	05/2024
33	A novel deep learning approach for the prediction of Arabidopsis thaliana Ubiquitination sites	4	Có	The 13th Conference on Information Technology and Its Application (CITA 2024)			48-57	07/2024
34	A machine learning approach for predictive insights into tight junction protein functions	4	Không	The 13th Conference on Information Technology and Its Application (CITA 2024)			37-47	07/2024
35	Improved Linear B-Cell	4	Không	The 3rd International	- Scopus IF: Scopus Q4	1	LNNS 1205, pp. 466–4	11/2024

	Epitope Prediction Using CNN and BiLSTM			Conference on Advances in Information and Communication Technology (ICTA2024); Lecture Notes in Networks and Systems book series. ICTA 2024, LNNS 1205 proceedings.				
36	A Hybrid Deep Learning and Natural Language Processing Model for Plant Ubiquitination Site Prediction	4	Có	The 3rd International Conference on Advances in Information and Communication Technology (ICTA2024); Lecture Notes in Networks and Systems book series. ICTA 2024, LNNS 1205 proceedings.	- Scopus <i>IF</i> : <i>Scopus Q4</i>		LNNS 1205, pp. 455–4	11/2024
37	Integrating CNN and Bi-LSTM for Protein Succinylation Sites Prediction based on Natural Language	3	Có	Computers in Biology and Medicine. ISSN: 0010-4825. (Tập chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q1, IF 2024: 7.0 - SCIE <i>IF</i> : 7.0, Q1	1	186 (2025) 109664	01/2025

	Procesing Technique							
38	Data-driven proteomics for post- translational modification discovery	3	Có	Proteomics. ISSN: 1615-9861. (Tập chí Quốc tế uy tín của Nafosted)	ISI - SCIE Q2, IF 2024: 3.4 IF: 3.4, Q2		Volume25, Issue 9-1	05/2025
39	KD_MultiSucc: Incorporating Multi-Teacher Knowledge Distillation and Word Embeddings for Cross-Species Prediction of Protein Succinylation Sites	4	Có	Biology Methods & Protocols. ISSN: 2396-8923. (Tập chí Quốc tế uy tín; Open access Q1 của WoS/Scopus)	WoS/Scopus (ESCI); IF 2023: 2.5; SCImago SJR 2024 0.795 - Q1 - ESCI IF: 2.5, Q1		2025;bpaf041, 1-22	05/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 8 ([4] [7] [27] [31] [32] [37] [38] [39])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

tỉnh Thái Nguyên, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)